

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HS-ST

Ngày 26-5-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đô.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Quốc Thìn.
2. Ông Nguyễn Văn Thạch.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/HSST, ngày 16 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 đối với:

1. Bị cáo: Phạm Văn N, sinh ngày 02/8/1994 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Nưg nghiệp; con ông Phạm L và bà Lê Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 18/12/2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Anh Huỳnh Tấn Ph, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm L, sinh năm 1965 và bà Lê Thị T, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

4. Người làm chứng:

4.1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992; cư trú tại: Thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

4.2. Chị Lê Thị V, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

4.3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

4.4. Anh Nguyễn C, sinh năm 1995; cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 03/9/2020 tại nhà ông Phạm L (cha bị cáo Phạm Văn N) thuộc địa phận thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có tổ chức tiệc giỗ và có sự tham gia một số người, trong đó có anh Huỳnh Tấn Ph (sau đây viết tắt là anh Ph) ngồi cùng bàn tiệc với bị cáo Phạm Văn N (sau đây viết tắt là bị cáo N) và các Anh Phạm Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn C, chị Lê Thị V.

Trong quá trình ăn uống (đến khoảng 15 giờ cùng ngày), bị cáo N lấy 01 gói thuốc lá (loại 555) ra hút và để gói thuốc trên bàn tiệc. Sau đó, anh Ph lấy gói thuốc hút nhưng không trả lại, N bảo anh Ph trả lại nhưng anh Ph vẫn không trả và bỏ gói thuốc xuống đất cạnh chỗ ngồi của anh Ph. Bực tức trước hành động của anh Ph, N đi đến bụi chuối sau nhà lấy một cây súng tự chế rồi đi vào nhà, khi đi đến cách anh Ph khoảng 7m thì N cầm súng hướng về phía anh Ph, thấy N dùng súng ngắm về phía mình thì anh Ph đưa tay trái ra (theo chiều ngang về phía bên trái), lúc này N ngắm vào lòng bàn tay trái của anh Ph và bóp cò làm súng nổ, viên đạn bay trúng vào lòng bàn tay trái của anh Ph. Thấy anh Ph bị thương tích chảy máu ở bàn tay nên N cầm súng chạy ra

sau nhà, vút súng vào bụi cây rồi bỏ trốn. Anh Ph được đưa đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi cấp cứu, điều trị từ ngày 03/9/2020 đến ngày 07/9/2020 thì xuất viện.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 260/TgT ngày 04/11/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Ngãi kết luận thương tật của Pháp như sau: Gãy xương bàn tay trái: 10%; sẹo vết thương gan bàn tay trái có nhiều dị vật kim loại: 2,70%; sẹo mu bàn tay trái: 0,87%; tổng cộng: 13,57%, làm tròn số 14%; các thương tích trên phù hợp gây thương tích do kim khí gây nên.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) khẩu súng còn tự chế dài 61cm, được làm bằng ống nhựa PVC bên ngoài quấn băng keo màu đen; 01 (một) khối kim loại hình chóp lồi (đầu đạn) đường kính 0,6cm, chiều cao 02cm.

Tại Kết luận giám định số 851/KLGD-PC09 ngày 17/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận: Khẩu súng nêu trên là súng tự chế, vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn (súng hơi).

Bản cáo trạng số 18/CT-VKS-BS ngày 12/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Năm về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Năm phạm tội “Cố ý gây thương tích” và áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N từ 18 đến 24 tháng tù; về dân sự: Bị cáo N và anh Ph đã thỏa thuận về dân sự và đã thực hiện xong việc bồi thường, anh Ph không có yêu cầu gì khác về dân sự nên không xem xét; về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là 01 (một) khẩu súng còn và 01 (một) khối kim loại hình chóp lồi (đầu đạn) như nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo N thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội, không oan nhưng cho rằng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất; bị hại là anh Ph cho rằng mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo N là nặng, đề nghị chỉ xử phạt bị cáo 18 tháng

tù, bị hại không có yêu cầu gì khác về dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Tranh luận với ý kiến của bị cáo, bị hại thì đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đề nghị vì đã đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân và tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, trên cơ sở đó đã đề nghị xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận hành vi của mình như mô tả trong cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo N phù hợp với lời khai của bị hại, của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Nguyên nhân xảy ra sự việc xuất phát từ mâu thuẫn trong việc anh Ph có hành động lấy gói thuốc lá nhưng không chịu trả lại cho bị cáo N và rút gói thuốc xuống đất nên dẫn đến bị cáo sử dụng súng gây thương tích cho anh Ph.

Theo trình bày, diễn tả hành vi của anh Ph, bị cáo N tại phiên tòa và kết quả thực nghiệm điều tra đã cho thấy bị cáo N đứng đối diện và cách anh Ph khoảng 7m thì bị cáo chủ động ngắm bắn vào lòng bàn tay trái của anh Ph; tại thời điểm trước và trong khi bắn thì bàn tay trái của anh Ph đã đưa ra theo chiều ngang phía bên trái cơ thể, cách xa so với các vị trí trọng yếu trên cơ thể anh Ph; đường đạn bắn ra và các vị trí trọng yếu trên cơ thể của anh Ph không cùng một đường thẳng.

Với diễn biến hành vi nêu trên thể hiện bị cáo N không có chủ đích dùng súng ngắm bắn vào các vị trí trọng yếu, cũng không phải bắn ngẫu nhiên vào cơ thể của anh Ph để mặc cho hậu quả xảy ra. Bên cạnh đó, ngay sau khi thấy anh Ph bị chảy máu ở lòng bàn tay thì bị cáo không có thêm bất kỳ hành vi nào khác gây nguy hiểm đến tính mạng của anh Ph; tại phiên tòa sơ thẩm, anh Ph vẫn xác nhận là bị cáo chỉ ngắm bắn vào lòng tay trái của anh Ph khi anh đã đưa tay ra phía bên trái cách xa các vị trí trọng yếu cơ thể như anh đã khai và thực nghiệm trong quá trình điều tra. Những điều này đã chứng tỏ bị cáo không có ý định tước đoạt tính mạng của anh Ph và trên thực tế anh Ph chỉ bị thương tích ở lòng bàn tay trái.

Bị cáo N là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi sử dụng súng (súng hơi) là hung khí nguy hiểm (tình tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự) gây thương tích cho anh Ph với tỷ lệ thương tích là 14% như đã nhận định nêu trên; hành vi của bị cáo xâm phạm đến sức khỏe của người khác nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với khẩu súng do bị cáo N sử dụng, quá trình điều tra xác định: Khẩu súng do bị cáo tự chế tạo, là vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự súng săn (súng hơi), không phải vũ khí quân dụng; do bị cáo N chưa bị xử lý hành chính, chưa bị kết án về hành vi nêu trên nên hành vi sử dụng súng hơi của bị cáo N không đủ yếu tố cấu thành tội “Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ” theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn đã đề nghị Công an huyện Bình Sơn xử lý hành chính đối với bị cáo N về hành vi sử dụng súng nêu trên là có căn cứ.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả; quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất nhưng bị cáo đã sử dụng súng hơi gây thương tích cho anh Ph thuộc trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định bắt bị cáo N chấp hình phạt tù tại cơ sở giam giữ trong thời hạn nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung và các tội phạm liên quan đến việc sử dụng hung khí là súng tự chế (súng hơi) xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng người khác nói riêng trên địa bàn huyện Bình Sơn trong giai đoạn hiện nay.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Quá trình điều tra, các ông bà Phạm L, Lê Thị T (là cha mẹ đẻ của bị cáo N) và bị hại là anh Ph đã thỏa thuận giải quyết xong bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Ph với tổng số tiền là 30.300.000 đồng (ba mươi triệu, ba trăm nghìn đồng); anh Ph đã nhận đủ số tiền nêu trên và không yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án này.

[6.2] Ông Phạm L, bà Lê Thị T không yêu cầu bị cáo N hoàn trả lại số tiền bồi thường dân sự nêu trên trong vụ án này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông L, bà T .

[7] Về vật chứng: 01 (một) súng hơi và 01 (một) khối kim loại hình chóp lồi (đầu đạn) được bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy các vật chứng này.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn về tội danh đối với bị cáo N là phù hợp hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị về dân sự, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; riêng đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa phù hợp với tính chất,

mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và chưa đảm bảo tính răn đe của pháp luật nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Năm phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2020.

3. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 01 (một) khẩu súng còn tự chế dài 61cm, được làm bằng ống nhựa PVC bên ngoài quấn băng keo màu đen; 01 (một) khối kim loại hình chóp lồi (đầu đạn) đường kính 0,6cm, chiều cao 02cm (chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Phạm L, bà Lê Thị T về việc không yêu cầu bị cáo Phạm Văn N hoàn trả số tiền 30.300.000 đồng (ba mươi triệu, ba trăm nghìn đồng) mà ông L, bà T đã bồi thường cho anh Huỳnh Tấn Ph.

6. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- CQCSĐT, Nhà Tạm giữ và Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Trị (thay cho thông báo);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Đô**









